

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Hà Ứng Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp TC, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG.

(Chị Đ có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh **Danh Sơ M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp XX, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

(Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Đ trình bày:*

Vào năm 2008, chị Thị Đ và anh Danh Sơ M tự tìm hiểu yêu thương nhau được khoảng 01 năm rồi tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 28/01/2008.

Trong quá trình chung sống, chị và anh M có 02 người con chung là cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013, hiện các cháu đang sống cùng chị. Về tài sản chung: quá trình chung sống anh chị không có tạo lập tài sản chung, về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra nhiều chuyện bất hòa, do anh Danh Sơ M trộm cắp tài sản và đi tù nhiều lần, lại thêm tính tình ngang ngược, đánh chị nhiều lần, chị đã khuyên nhủ và cho anh Mút cơ hội nhưng vẫn không sửa đổi. Do đó anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Danh Sơ M.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013 và chị không yêu cầu anh Mút cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 19/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Sơ M trình bày:*

Anh và chị Thị Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng anh được Ủy ban nhân dân xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 28/01/2008.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013, hiện các cháu đang sống cùng cô Thị Đ. Về tài sản chung: quá trình chung sống anh chị không có tạo lập tài sản chung; về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, có những lúc do quá nóng tính nên anh có đánh vợ, sau đó vợ chồng anh vẫn chung sống bình

thường. Năm 2020, anh đi chấp hành án lần thứ 3 nên vợ chồng anh có ly thân hơn 02 năm. Tháng 10/2022 anh được trở về, vợ chồng chung sống trở lại. Từ thời gian đó đến nay anh chị lại xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống và đã ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Anh vẫn còn thương vợ và hai con còn quá nhỏ.

Anh Mút có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Thị Đ;

- Về con chung: Nếu chị Thị Đ kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung là cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013 cho chị Thị Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** *Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Thị Thùy Trang ngày 27/7/2023:***

Cha cháu tên Danh Sơ M, mẹ cháu tên Thị Đ; cháu đang học lớp 7 tại Trường THCS Nguyễn Văn Đỗ ở xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** *Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Danh Hoàng Anh ngày 28/7/2023:***

Cha cháu tên Danh Sơ M, mẹ cháu tên Thị Đ. Năm nay cháu học lớp 4 tại Trường Tiểu học Bàn Tân Định 3, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay cháu đang sống với mẹ, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Danh Sơ M, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Danh Sơ M có địa chỉ cư trú tại ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh Sơ M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vì lý do bận công việc nên anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Đ và anh Danh Sơ M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tìm hiểu; có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2008; được Ủy ban nhân dân xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị Thị Đ và anh Danh Sơ M là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Danh Sơ M: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Thị Đ và anh Danh Sơ M đều xác định rằng những năm đầu vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng chị xảy ra nhiều chuyện bất hòa, mâu thuẫn và anh M quá nóng tính nên anh có đánh vợ. Năm 2020, anh M đi chấp hành án lần thứ 3 về tội trộm cắp tài sản nên vợ chồng anh chị có ly thân đến tháng 10/2022 anh M trở về thì vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 5/2023 anh chị lại phát sinh mâu thuẫn cãi nhau và anh chị ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa, chị Thị Đ xác định rằng chị không còn tự nguyện chung sống với anh M, không còn tình cảm vợ chồng với anh M vì anh M không chịu thay đổi bản thân nên chị Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh M. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị Thị Đ và anh Danh Sơ M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ về việc xin ly hôn với anh M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh M cùng xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013; hiện đang sống cùng chị Đ. Tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang và cháu Anh; không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 19/7/2023 và phiên hòa giải ngày 26/7/2023 thì anh M thống nhất giao 02 con cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi ly thân với anh M (từ tháng 5/2023) cho đến nay chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang và cháu Hoàng Anh, đồng thời cháu Trang và cháu Hoàng

Anh cũng có nguyện vọng được chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (tại các văn bản trình bày ý kiến: ngày 27/7/2023, ngày 28/7/2023) nên Hội đồng xét xử giao cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Danh Sơ M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thị Đ không yêu cầu anh Danh Sơ M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh M đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Đ về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với bị đơn anh Danh Sơ M.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, anh Danh Sơ M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Đ về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Danh Sơ M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh Sơ M.

2. Về con chung: Giao cháu Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/7/2010 và cháu Danh Hoàng Anh, sinh ngày 03/11/2013 cho chị Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Trang và cháu Hoàng Anh), chị Thị Đ tự nguyện không yêu cầu anh Danh Sơ M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Danh Sơ M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Đ và anh Danh Sơ M đều xác nhận là không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000887 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Đ không phải nộp thêm. Anh Danh Sơ M không phải chịu tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Danh Sơ M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, KG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh